

Hanoi, 3<sup>rd</sup> June 2026

## LETTER OF INQUIRY

### *THƯ MỜI BÁO GIÁ*

To: Prospective suppliers of overseas-produced coal

*Kính gửi: Các nhà cung cấp than nhập khẩu*

First of all, we, Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company, would like to send our respectful greetings to your company.

*Lời đầu thư, Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin xin được gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.*

Currently, our company is in need of learning about the price of overseas-produced coal with typical Net calorific value of 4,600 kcal/kg (ARB) supplied to the Duyen Hai 3 Thermal Power Plant to serve our market research. By this letter, we respectfully request that your company provide us with a quotation for the type of coal that we are interested in. We enclose the following quality specifications of coal type and conditions of coal supply for your convenience in quoting and providing information.

*Hiện tại, Công ty chúng tôi đang có nhu cầu tìm hiểu về giá chủng loại than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt trị tinh thực nhận điển hình 4.600 kcal/kg (cơ sở nhận) cung cấp cho Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 để phục vụ cho công tác nghiên cứu thị trường. Qua thư này, chúng tôi trân trọng đề nghị Quý Công ty cung cấp cho chúng tôi báo giá chủng loại than mà chúng tôi đang quan tâm. Chúng tôi gửi kèm theo sau đây quy cách chất lượng của chủng loại than và các điều kiện cung cấp than để Quý Công ty thuận tiện trong việc báo giá và cung cấp thông tin.*

Please send in advance the scanned copy of your quotation (signed and stamped) to our email address: **business@northerncoal.vn**, and afterward send the original to: Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company, No. 5, Phan Dinh Giot Street, Phuong Liet Ward, Hanoi, Vietnam.

*Quý Công ty vui lòng gửi trước bản scan báo giá (đã ký và đóng dấu) về địa chỉ email: **business@northerncoal.vn**, bản gốc gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin, số 5, Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội, Việt Nam.*

Time for receiving the quotation (scanned copy): Until the end of 6<sup>th</sup> June 2026.

*Thời gian nhận báo giá (bản scan): Đến hết ngày 06/06/2026.*

Looking forward to hearing from you soon!

*Rất mong sớm nhận được hồi âm của Quý Công ty!*

Best regards!

*Trân trọng cảm ơn!*

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Tổng Giám đốc (e-copy, b/c);
- P.TGD: H.M.Long (e-copy);
- Lưu: VT, KD.

**ON BEHALF OF G. DIRECTOR  
DEPUTY GENERAL DIRECTOR  
*KT TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC***

**Hoàng Minh Long**

## INFORMATION FOR QUOTATION

### THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

- Type of coal: Overseas-produced coal with typical Net calorific value of 4,600 kcal/kg (ARB);

- *Chủng loại than: Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt trị tinh thực nhận điển hình 4.600 kcal/kg (cơ sở nhận);*

- Quality specification:

- *Quy cách chất lượng:*

| No.<br><i>STT</i> | Specification<br><i>Chỉ tiêu kỹ thuật</i>  | Basis (ISO or<br>ASTM<br>standards)<br><i>Cơ sở phân tích<br/>(theo tiêu chuẩn<br/>ISO hoặc ASTM)</i> | Required<br>Specifications<br><i>Giá trị thông số<br/>kỹ thuật yêu<br/>cầu</i> | High-penalty<br>threshold<br><i>Mức phạt cao</i> |
|-------------------|--|---|--|--|
| 1                 | Total Moisture<br><i>Hàm lượng ẩm toàn phần</i>  | As received basis<br><i>Cơ sở nhận</i>  | $\leq 27.40\%$<br>$\leq 27,40\%$   | $>30\%$<br>$>30\%$                               |
| 2                 | Inherent Moisture<br><i>Hàm lượng ẩm trong</i>   | Air dried basis<br><i>Cơ sở khí khô</i>   | $\leq 20\%$<br>$\leq 20\%$   |  |
| 3                 | Ash Content<br><i>Hàm lượng tro</i>  | Air dried basis<br><i>Cơ sở khí khô</i>   | $\leq 10.7\%$<br>$\leq 10,7\%$   | $>14\%$<br>$>14\%$                               |
| 4                 | Volatile Matter<br><i>Chất bốc</i>   | Air dried basis<br><i>Cơ sở khí khô</i>   | 25-50%<br>25-50%   |  |
| 5                 | Total Sulphur<br><i>Tổng lượng lưu huỳnh<br/>toàn phần</i>   | Air dried basis<br><i>Cơ sở khí khô</i>   | $\leq 0.85\%$<br>$\leq 0,85\%$   | $>1.1\%$<br>$>1,1\%$                             |
| 6                 | HGI<br><i>Chỉ số nghiền Hardgrove</i>  |   | 36-60<br>36-60   |  |
| 7                 | Ash fusion temperature<br>(in reducing<br>environment): Initial<br>Deformation<br><i>Nhiệt độ nóng chảy của<br/>tro (trong môi trường<br/>khử): nhiệt độ biến dạng<br/>ban đầu</i> |   | $\geq 1,150^{\circ}\text{C}$<br>$\geq 1.150^{\circ}\text{C}$                   |  |
| 8                 | Na <sub>2</sub> O<br><i>Na<sub>2</sub>O</i>  | Dry basis<br><i>Cơ sở khô</i>   | $\leq 3\%$<br>$\leq 3\%$   |  |
| 9                 | Net Calorific Value<br><i>Nhiệt trị tinh thực nhận</i>   | As received basis<br><i>Cơ sở nhận</i>  | $\geq 4,454$ kcal/kg<br>$\geq 4.454$ kcal/kg                                   |  |
| 10                | Size<br><i>Kích thước than</i>   |   | $\leq 100$ mm<br>$\leq 100$ mm   |  |

Quality consistency requirement: Quality consistency across the entire quantity of each coal shipment shall be ensured. The difference in net calorific value between the sub-lots shall not exceed 300 kcal/kg.

*Yêu cầu về độ đồng đều của than: Mỗi lô hàng than giao nhận phải đảm bảo độ đồng đều về chất lượng trên toàn bộ khối lượng lô hàng. Giá trị chênh lệch nhiệt trị giữa các mẫu lô  $\leq 300$  kcal/kg.*

- Origin: [to be specified].

(Note: The coal may be of multiple origins, provided that it originates from countries/territories that are not embargoed, and shall comply with the sanctions regulations of the United States, the United Nations, as well as other countries and territories. The coal shall not be of Laos origin).

- *Xuất xứ: [ghi rõ].*

*(Ghi chú: Than có thể từ nhiều xuất xứ khác nhau nhưng phải có nguồn gốc từ các quốc gia/vùng lãnh thổ không bị cấm vận; tuân thủ các quy định về cấm vận của Mỹ, Liên Hợp Quốc cũng như các quốc gia, lãnh thổ khác. Than không được có xuất xứ từ Lào).*

- Base quantity: 300,000 metric tons. The actual quantity shall be at the Purchaser's option, based on the demand of Duyen Hai 3 Thermal Power Plant. If higher, the quantity ordered by the Purchaser shall apply but the additional quantity shall not exceed 20% of the above-stated quantity. If lower, the quantity ordered by the Purchaser shall apply.

*- Khối lượng cơ sở: 300.000 tấn. Khối lượng thực tế theo lựa chọn của Bên Mua trên cơ sở nhu cầu thực tế của Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3. Trường hợp cao hơn thì theo khối lượng Bên Mua đặt hàng nhưng không vượt quá 20% khối lượng trên đây. Trường hợp thấp hơn thì theo khối lượng Bên Mua đặt hàng.*

In the event of significant increase in Duyen Hai 3 Thermal Power Plant's actual demand, the Purchaser shall negotiate with the Seller to increase the contract quantity if such increase exceeds 20% of the base quantity.

*Trong trường hợp nhu cầu thực tế của Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 tăng mạnh, Bên Mua sẽ thương thảo với Bên Bán để tăng khối lượng của hợp đồng nếu khối lượng tăng vượt quá 20% khối lượng cơ sở.*

The quantity of each shipment is allowed within a tolerance of +/- 10%

*Khối lượng từng lô hàng được phép trong dung sai +/-10%.*

- Delivery time at the discharge port: 3<sup>rd</sup> Quarter of 2026.

- *Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng: Quý III/2026.*

- Place: Import to Go Gia/Thieng Lieng anchorage, Ho Chi Minh City, Vietnam.

- *Địa điểm: Nhập khẩu về khu neo Gò Gia/Thiêng Liêng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.*

- Tentative delivery schedule:

- *Tiến độ giao hàng dự kiến:*

| Month<br><i>Tháng</i>               | Quantity (metric ton) (+/- 10%)<br><i>Khối lượng (tấn) (+/- 10%)</i> |
|-------------------------------------|--|
| July 2026<br><i>Tháng 07/2026</i>   | 100,000<br><i>100.000</i>  |
| August 2026<br><i>Tháng 08/2026</i> | 50,000 – 100,000<br><i>50.000 - 100.000</i>                          |

|                |                  |
|----------------|------------------|
| September 2026 | 50,000 – 100,000 |
| Tháng 09/2026  | 50.000 - 100.000 |

Note/Ghi chú:

- The actual delivery schedule shall be determined by the Purchaser's monthly orders and based on the operational plan of Duyen Hai 3 Thermal Power Plant.

*Lịch giao hàng thực tế theo đặt hàng mỗi tháng của Bên Mua trên cơ sở kế hoạch vận hành của Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3.*

- For each shipment, the allowed Arrival Window at the discharge port shall be three (03) days. The Seller shall ensure that the vessel arrives at the discharge port and tenders the Notice of Readiness (NOR) within this allowed window.

*Đối với mỗi đợt giao hàng, Khoảng thời gian tàu đến cảng dỡ được cho phép là ba (03) ngày. Bên Bán phải đảm bảo tàu đến cảng dỡ và trao Thông báo sẵn sàng dỡ hàng (NOR) trong khoảng thời gian cho phép này.*

- The delivery schedule for July 2026 is as follows:

- *Lịch giao hàng của tháng 07/2026 như sau:*

| No.<br>STT | Batch<br><i>Đợt giao hàng</i> | Quantity (metric ton)<br><i>Khối lượng (tấn)</i> | Arrival Window at the discharge port<br><i>Khoảng thời gian tàu đến cảng dỡ</i> |
|------------|-------------------------------|--|---|
| 1          | 1st batch<br><i>Đợt 1</i>     | 100,000 (+/-10%)<br><i>100.000 (+/-10%)</i>      | 10-12/07/2026<br><i>10-12/07/2026</i>   |

Note: The Seller may arrange one or multiple vessels for a single batch, provided that such vessels arrive at the discharge port and tender the NOR within the Arrival Window at the discharge port.

*Ghi chú: Bên Bán có thể thu xếp một hoặc nhiều tàu vận chuyển cho một đợt giao hàng nhưng phải đảm bảo tàu đến cảng dỡ và trao NOR trong Khoảng thời gian tàu đến cảng dỡ.*

- Term of delivery: CIF Go Gia/Thieng Lieng anchorage, Ho Chi Minh city, Vietnam (Incoterms 2020).

- *Điều kiện cơ sở giao hàng: CIF khu neo Gò Gia/Thiêng Liêng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo Incoterms 2020.*

- Unit Price Structure:

- *Cơ cấu đơn giá:*

CIF Base Unit Price (**including import tax, if any**) = FOB Base Unit Price + Base Freight plus Insurance = \_\_\_ USD/MT. In which:

FOB Base Unit Price = \_\_\_ USD/MT.

Base Freight plus Insurance = \_\_\_ USD/MT.

*Đơn giá CIF cơ sở (đã bao gồm thuế nhập khẩu, nếu có) = Đơn giá FOB cơ sở + Cước vận chuyển và bảo hiểm cơ sở = \_\_\_ USD/tấn. Trong đó:*

Đơn giá FOB cơ sở = \_\_\_\_ USD/tấn.

Cước vận chuyển và bảo hiểm cơ sở = \_\_\_\_ USD/tấn.

(Note/Ghi chú:

- The CIF Base Unit Price quoted shall include import tax, if any. The contract base unit price shall be equal to the quoted unit price minus import tax, if any.

*Nhà cung cấp chào Đơn giá CIF cơ sở đã bao gồm thuế nhập khẩu, nếu có. Đơn giá cơ sở hợp đồng sẽ bằng đơn giá chào trừ đi thuế nhập khẩu, nếu có.*

- The Base Freight plus Insurance quoted shall be within the range of **9.60 - 14.40** USD/MT. Any gap between the Base Freight plus Insurance and the actual freight and insurance (if any) shall be allocated by the Supplier into the FOB base unit price.

*Nhà cung cấp được phép chào Cước vận chuyển và bảo hiểm cơ sở trong khoảng **9,60 - 14,40** USD/tấn. Phần chênh lệch giữa Cước vận chuyển và bảo hiểm cơ sở với Cước vận chuyển và bảo hiểm thực tế (nếu có), nhà cung cấp tự cân đối vào đơn giá FOB.)*

- Adjustment of Contract CIF Base Unit Price (excluding import tax, if any) based on the market:

- *Điều chỉnh đơn giá CIF cơ sở hợp đồng (đã trừ thuế nhập khẩu, nếu có) theo biến động thị trường:*

+ Adjustment of Contract FOB Base Unit Price based on the market:

+ *Điều chỉnh đơn giá FOB cơ sở hợp đồng theo biến động thị trường:*

FOB Base Unit Price of the shipment = Contract FOB Base Unit Price × ICID/ICIB. In which:

*Đơn giá FOB cơ sở lô hàng = Đơn giá FOB cơ sở hợp đồng × ICID/ICIB. Trong đó:*

ICID: the simple average value of the ICI 3 (GAR 5000 NAR 4600) coal price index, as published weekly on Argus/Coalindo Indonesian Coal Index Report for the month preceding the month of the completion of loading at the loading port.

*ICID: là giá trị bình quân của chỉ số giá than ICI 3 (GAR 5000 NAR 4600) theo Báo cáo Chỉ số Than Indonesia của Argus/Coalindo công bố hàng tuần của tháng trước tháng có ngày hoàn thành giao hàng tại cảng xếp hàng.*

ICIB: the simple average value of the ICI 3 (GAR 5000 NAR 4600) coal price index, as published weekly on Argus/Coalindo Indonesian Coal Index Report for the month preceding the month of the bid submission deadline for the package issued by the Purchaser.

*ICIB: là giá trị bình quân của chỉ số giá than ICI 3 (GAR 5000 NAR 4600) theo Báo cáo Chỉ số Than Indonesia của Argus/Coalindo công bố hàng tuần của tháng trước tháng có ngày hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu gói thầu do Bên Mua tổ chức.*

Note: The monthly average value of the ICI 3 coal price index shall be the average value of the ICI 3 coal price index published in the Argus/Coalindo Indonesian Coal Index Reports issued during that month.

*Ghi chú: Giá trị bình quân của chỉ số giá than ICI 3 của tháng sẽ được tính bằng giá trị bình quân chỉ số giá than ICI 3 theo các Báo cáo Chỉ số Than Indonesia của Argus/Coalindo phát hành trong tháng đó.*

+ Adjustment of Contract Base Freight plus Insurance based on the market:

+ *Điều chỉnh Cước vận chuyển và bảo hiểm cơ sở hợp đồng theo biến động thị trường:*

Freight plus Insurance of the shipment = Contract Base Freight plus Insurance × FrD/FrB. In which:

*Cước vận chuyển và bảo hiểm lô hàng = Cước vận chuyển và bảo hiểm cơ sở hợp đồng × FrD/FrB. Trong đó:*

FrD: the simple average value of the freight rate for Panamax vessels on the Indonesia - South Vietnam route, as published daily in the Argus Dry Freight for the month preceding the month of the completion of loading at the loading port.

*FrD: là giá trị bình quân của giá cước vận chuyển tàu Panamax, tuyến Indonesia đến miền Nam Việt Nam, theo Báo cáo Cước vận tải hàng khô Argus công bố hàng ngày của tháng trước tháng có ngày hoàn thành giao hàng tại cảng xếp hàng.*

FrB: the simple average value of the freight rate for Panamax vessels on the Indonesia - South Vietnam route, as published daily in the Argus Dry Freight for the month preceding the month of the bid submission deadline for the package issued by the Purchaser.

*FrB: là giá trị bình quân của giá cước vận chuyển tàu Panamax, tuyến Indonesia đến miền Nam Việt Nam, theo Báo cáo Cước vận tải hàng khô Argus công bố hàng ngày của tháng trước tháng có ngày hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu gói thầu do Bên Mua tổ chức.*

- Adjustment of CIF Unit Price of the shipment based on actual Net Calorific Value (ARB) according to analysis result at the loading port:

- *Điều chỉnh đơn giá CIF của lô hàng theo nhiệt trị tinh thực nhận thực tế (cơ sở nhận) theo kết quả giám định tại cảng xếp hàng:*

Adjusted CIF Unit Price = FOB Base Unit Price of the shipment × Actual Net Calorific Value (ARB)/Typical Net Calorific Value (ARB) + Freight plus Insurance of the shipment.

*Đơn giá CIF điều chỉnh = Đơn giá FOB cơ sở lô hàng × Nhiệt trị tinh thực nhận thực tế (cơ sở nhận)/Nhiệt trị tinh thực nhận điển hình (cơ sở nhận) + Cước vận chuyển và bảo hiểm lô hàng.*

In case Actual Net Calorific Value (ARB) is higher than 4,900 kcal/kg, Actual Net Calorific Value (ARB) shall be calculated as 4,900 kcal/kg.

*Trường hợp nhiệt trị tinh thực nhận thực tế (cơ sở nhận) lớn hơn 4.900 kcal/kg thì tính bằng 4.900 kcal/kg.*

- Discharge rate: Customary Quick Despatch (CQD).

- *Tốc độ dỡ hàng: Theo tập quán cảng (CQD).*

- Despatch/Demurrage: Not Applicable.

- *Thưởng, phạt dỡ hàng: Không áp dụng.*

- The Seller shall be responsible for the cargo quantity up to the discharge port, and shall be responsible for the cargo quality until the completion of delivery to Duyen Hai 3 Thermal Power Plant, in accordance with the terms and conditions in the Purchaser's Bidding Documents and the Contract.

*- Bên Bán chịu trách nhiệm về khối lượng hàng hóa tới cảng dỡ hàng, chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đến khi hoàn thành giao nhận cho Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 theo các yêu cầu cụ thể được quy định trong Hồ sơ mời thầu của Bên Mua và Hợp đồng.*